

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

---



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : LUẬT**

**Sinh viên : Trần Văn Lập**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

---

**PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CÔNG TY TRÁCH  
NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN – THỰC TIỄN  
TẠI VNPT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH: LUẬT**

**Sinh viên : Trần Văn Lập**  
**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Lương Thị Kim Dung**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên: Trần Văn Lập**

**Mã SV: 1712901003**

**Lớp : PL2102**

**Ngành : Luật**

**Tên đề tài: Pháp luật Việt Nam về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Thực tiễn tại VNPT**

## LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến TS. Lương Thị Kim Dung đã trực tiếp tận tình hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu và cách làm việc khoa học để tôi có thể hoàn thành được Luận văn của mình.

Xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô, cán bộ, giảng viên khoa Luật học trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng đã tận tình giúp đỡ cho tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận văn.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn tới gia đình và bạn bè, những người đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Xin trân trọng cảm ơn!

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>VIẾT ĐẦY ĐỦ</b>	<b>VIẾT TẮT</b>
1	Doanh nghiệp	DN
2	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
3	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	VNPT
4	Công nghệ thông tin	CNTT
5	Chủ sở hữu	CSH
6	Hội đồng thành viên	HĐTV
7	Kiểm soát viên	KSV
8	Giám đốc	GĐ
9	Tổng giám đốc	TGĐ
10	Doanh nghiệp nhà nước	DNNN
11	Trách nhiệm hữu hạn một th	TNHH MTV

# MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<i>1. Tính cấp thiết của đề tài</i> .....	<i>1</i>
<i>2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài</i> .....	<i>2</i>
<i>3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu</i> .....	<i>3</i>
<i>4. Phương pháp nghiên cứu</i> .....	<i>3</i>
<i>5. Những điểm mới của luận văn</i> .....	<i>3</i>
<i>6. Kết cấu luận văn</i> .....	<i>4</i>
<b>CHƯƠNG 1</b> .....	<b>5</b>
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN</b> .....	<b>5</b>
<i>1.1 . Lịch sử hình thành công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên trên thế giới và Việt Nam</i> .....	<i>5</i>
<i>1.2 . Khái niệm về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i> .....	<i>7</i>
<i>1.3 . Đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i> .....	<i>8</i>
<i>1.4 . Ưu nhược điểm của mô hình công ty TNHH một thành viên</i> .....	<i>9</i>
<i>1.5 . Vai trò, ý nghĩa của mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với nền kinh tế</i> .....	<i>10</i>
<b>CHƯƠNG 2</b> .....	<b>13</b>
<b>PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VNPT</b> .....	<b>13</b>
<i>2.1 Pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên</i> ..	<i>13</i>
<i>2.1.1 Đăng kí thành lập doanh nghiệp</i> .....	<i>13</i>
<i>2.1.2. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên</i> .....	<i>20</i>
<i>2.1.3. Vốn, chế độ tài chính của cty TNHH 1 thành viên</i> .....	<i>22</i>
<i>2.1.4 Tổ chức bộ máy công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên</i> .....	<i>25</i>
<i>2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại VNPT</i> .....	<i>27</i>

2.2.1 Quá trình chuyển đổi từ DNNN sang công ty TNHH MTV của VNPT .....	27
2.2.2 Vốn, chế độ tài chính của VNPT .....	28
2.2.3 Cơ cấu tổ chức quản lý của VNPT .....	30
2.2.4 Đánh giá hoạt động của VNPT sau chuyển đổi sang mô hình công ty TTHH MTV .....	31
2.2.4.1 Những kết quả đạt được .....	31
2.2.4.2 Những tồn tại, thách thức .....	33
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>35</b>
<b>ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN TẠI VNPT.....</b>	<b>35</b>
<i>3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên .....</i>	<i>35</i>
3.1.1 Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế .....	35
3.1.2 Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế .....	37
<i>3.2 Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên .....</i>	<i>37</i>
<i>3.3 Các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức tại VNPT.....</i>	<i>44</i>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>48</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO: .....</b>	<b>49</b>

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày 21/12/1990, Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua hai đạo luật quan trọng là Luật Công ty và Luật doanh nghiệp (DN) tư nhân, tạo cơ sở pháp lý cho các loại hình DN ngoài quốc doanh như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), DN tư nhân phát triển, góp phần to lớn trong việc giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy nội lực, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy nhanh thời kỳ quá độ chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Tuy vậy, theo thời gian nhiều nội dung của hai đạo luật đó đã tỏ ra bất cập, không còn đáp ứng nhu cầu điều chỉnh hoạt động của các loại hình DN giai đoạn mới. Để đảm bảo phát huy nội lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đẩy mạnh công cuộc đổi mới kinh tế; đảm bảo quyền tự do, bình đẳng trước pháp luật trong kinh doanh của các DN thuộc mọi thành phần kinh tế; bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh, Đảng và Nhà nước ta đã không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật. Luật DN (1999) thay thế Luật Công ty (1990), Luật DN (2005) thay thế Luật DN (1999), Luật DN năm 2014 đã thay thế Luật DN năm 2005 và hiện nay Luật DN năm 2020 đang là luật có hiệu lực thi hành

Công ty TNHH mặc dù ra đời muộn nhưng là loại hình DN được các nhà đầu tư ưa chuộng bởi sự kết hợp hoàn hảo những ưu điểm của công ty hợp danh và công ty cổ phần, phù hợp với các nhà đầu tư có quy mô nhỏ và vừa. Ở Việt Nam, công ty TNHH một thành viên lần đầu tiên được thừa nhận trong Luật DN 1999, trong khi đó, đối với pháp luật các nước trên thế giới, mô hình công ty này đã được thừa nhận cách đây nhiều năm và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn một loại hình kinh doanh phù hợp, phân tán được rủi ro, chuyển dịch vốn, hợp vốn dễ dàng với các chủ thể kinh doanh khác mà không làm mất đi bản chất pháp lý của DN.

Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện để tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các công ty TNHH một thành viên hoạt động, Luật DN (2014) được ban hành với những quy định mới hơn so với Luật DN 2014, tuy nhiên trong quá trình áp dụng đã bộc lộ nhiều bất cập như: quy định chưa rõ ràng dẫn đến việc áp dụng luật trên thực tế còn nhiều vướng mắc, có những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa được luật điều chỉnh gây khó khăn



cho các chủ thể khi điều hành quản lý hoạt động của công ty TNHH một thành viên.

DN nói chung và công ty TNHH một thành viên nói riêng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Việc học tập kinh nghiệm của các nước có nền kinh tế phát triển trên thế giới và trong khu vực có giá trị to lớn đối với Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về loại hình công ty TNHH một thành viên, tạo điều kiện thúc đẩy nó phát triển hiệu quả bên cạnh các loại hình công ty truyền thống khác, đồng thời tạo ra sự hài hòa giữa pháp luật quốc gia với pháp luật các nước.

Với những lý do trên, nghiên cứu về ***“Pháp luật Việt Nam về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên - thực tiễn tại VNPT”*** là yêu cầu cấp thiết, đáp ứng được đòi hỏi đối với luận văn tốt nghiệp cử nhân Luật.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Liên quan đến công ty TNHH một thành viên, hiện có một số công trình nghiên cứu, chẳng hạn như: Luận văn thạc sĩ “Pháp luật về chuyển đổi DN Nhà nước (DNNN) thành công ty TNHH một thành viên” của tác giả Nguyễn Thị Huệ, bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2012 [10]; Luận văn “Chuyển đổi DNNN, DN của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội thành công ty TNHH một thành viên – những vấn đề lý luận và thực tiễn” của tác giả Phạm Thị Thúy Hồng, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2002 [11]; Luận văn thạc sĩ “Công ty TNHH theo pháp luật Việt Nam và hướng hoàn thiện địa vị pháp lý của loại hình DN này” của tác giả Lê Văn Khải, năm 1997 [12], bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội; Luận văn thạc sĩ “Công ty TNHH một thành viên theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Cộng hòa Pháp” của tác giả Đinh Thị An, năm 2004, bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội [13];

Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu một cách chuyên sâu, toàn diện và hệ thống về loại hình DN mới này ở Việt Nam trên cơ sở so sánh và học tập kinh nghiệm của nước ngoài, từ đó đưa ra những khuyến nghị hoàn thiện pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện tốt cho hoạt động thực tiễn, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam.

### **3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu**

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm các mục đích sau:

Mục đích nghiên cứu của đề tài này là tìm hiểu những vấn đề lý luận về công ty TNHH một thành viên theo Luật DN năm 2020 và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật đó tại VNPT, từ đó kiến nghị nhằm các quy định pháp luật về công ty TNHH một thành viên.

Luận văn tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật Việt Nam về công ty TNHH một thành viên, trong đó trọng tâm là nghiên cứu các quy định của Luật DN (2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Về thực tiễn, đề tài giới hạn nghiên cứu tại các công ty TNHH một thành viên tại Việt Nam và liên hệ thực tiễn tại VNPT

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp duy vật biện chứng: Xem xét giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam hiện nay một cách toàn diện trong mối tương quan với một số nước phát triển thế giới và thực tiễn tại Việt Nam.

Phương pháp phân tích tổng hợp: Phân chia các vấn đề lớn, phức tạp thành những vấn đề nhỏ chi tiết, cụ thể hơn. Sau khi phân tích thì tổng hợp lại và khái quát để đưa tới sự nhận thức tổng thể về pháp luật công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam hiện nay và giải pháp hoàn thiện.

Phương pháp quy nạp và phương pháp diễn dịch: Đề tài đi từ những vấn đề chung đến những vấn đề riêng, từ những hiện tượng riêng lẻ đến những cái chung.

Phương pháp thống kê: Đề tài tập hợp những số liệu về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam, trên thế giới và thực tiễn làm cơ sở khoa học.

Phương pháp so sánh: Đề tài đặt thực tiễn về vấn đề cần nghiên cứu trong môi liên hệ và so sánh với thực tiễn của một số nước phát triển trên thế giới, qua đó tìm ra những ưu nhược điểm của vấn đề và đề xuất phương hướng hoàn thiện để giải quyết nội dung vấn đề cần nghiên cứu.

### **5. Những điểm mới của luận văn**

Luận văn đã hệ thống hóa, kế thừa và phát triển các luận cứ khoa học nhằm làm sáng rõ cơ sở lý luận của công ty TNHH một thành viên.

Thông qua việc đánh giá thực trạng áp dụng các quy định pháp luật về công

ty TNHH trong thực tiễn, luận văn đã đánh giá những mặt tích cực, ưu điểm, đồng thời cũng chỉ rõ những tồn tại, bất cập trong các quy định của pháp luật hiện hành về công ty TNHH một thành viên.

Luận văn cũng đã đề xuất phương hướng, một số kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH một thành viên nhằm giải quyết những bất cập của pháp luật về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam.

## **6. Kết cấu luận văn**

Ngoài lời nói đầu, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chủ yếu của luận văn được trình bày trong 3 chương:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**Chương 2:** Thực trạng pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng tại VNPT

**Chương 3:** Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện tại VNPT.

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

### **1.1. Lịch sử hình thành công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên trên thế giới và Việt Nam**

Khác với loại hình công ty, công ty trách nhiệm hữu hạn là sản phẩm hoạt động lập pháp theo sáng kiến của nhà lập pháp Đức 1892 các nhà luật học của Đức đã đưa ra mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn với những lập luận sau:

Thứ nhất: Mô hình công ty cổ phần đang tồn tại không thích hợp với mô hình kinh tế nhỏ, các quy định quá phức tạp đối với công ty cổ phần thật không cần thiết và không phù hợp với các loại công ty vừa và nhỏ, có rất ít thành viên .

Thứ hai: Chế độ trách nhiệm vô hạn của công ty đối nhân không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư. Nhiều nhà đầu tư muốn được hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn để tránh được rủi ro, biết hạn chế rủi ro là một yếu tố quan trọng để thành đạt trong kinh doanh, do đó các nhà làm luật Đức đã sáng tạo ra loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, vừa kết hợp được ưu điểm về chế độ trách nhiệm hữu hạn của công ty và ưu điểm về chế độ thành viên quen biết nhau của công ty đối nhân, nhà đầu tư có thể kinh doanh vừa và nhỏ, nó khắc phục được nhược điểm về sự phức tạp khi thành lập và điều hành công ty cổ phần, nhược điểm không phân chia được rủi ro của công ty đối nhân nhưng nó vẫn mang bản chất của công ty đối vốn đó là công ty có tư cách pháp nhân độc lập, chịu trách nhiệm về các khoản nợ bằng tài sản của công ty, thành viên công ty chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp của mình vào công ty.

Với những ưu điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn, nên sau khi có luật công ty trách nhiệm hữu hạn năm 1892 của Đức được ban hành thì loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn đã được các nhà đầu tư lựa chọn, và từ đó số lượng công ty trách nhiệm hữu hạn không ngừng tăng lên.

Ở Việt Nam từ năm 1986 Đảng ta đề ra đường lối xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà Nước, cùng với chính sách kinh tế đó đã tạo điều kiện cho sự ra đời của các loại hình công ty. Ngày 21/12/1990 Quốc hội thông qua Luật công ty. Tuy nhiên sau một thời gian đi vào thực tế áp dụng thì luật công ty đã bộc lộ những thiếu sót nhất định, chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế. Ngày 12/06/1999, Quốc hội đã

thông qua Luật doanh nghiệp thay thế cho Luật doanh nghiệp Nhà Nước và Luật công ty. Đây được xem là văn bản ghi nhận chi tiết và khá đầy đủ về các loại hình doanh nghiệp trong đó có loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũng đã được đề cập khá chi tiết (được quy định tại mục 2 Chương 3 Luật doanh nghiệp 1999). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một loại hình doanh nghiệp mới được quy định trong quá trình phát triển của pháp luật thương mại Việt Nam. Tuy nhiên Luật doanh nghiệp 1999 chỉ cho phép một tổ chức được quyền thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Ngày 12/12/2005 Quốc hội đã thông qua Luật doanh nghiệp 2005 thay thế cho Luật doanh nghiệp 1999, Luật doanh nghiệp Nhà Nước và Luật đầu tư Nước ngoài tại Việt nam. Luật doanh nghiệp 2005 quy định việc thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động của các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Luật doanh nghiệp 2005 có một điểm mới nổi bật so với Luật doanh nghiệp 1999: Đối với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Luật doanh nghiệp 2005 đã cho phép cá nhân có thể trở thành chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Cùng với sự ra đời của Luật doanh nghiệp 2005 ghi nhận cá nhân có thể trở thành chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã và đang đóng vai trò quan trọng nhằm đa dạng hóa cơ cấu chủ sở hữu công ty (trước đây chỉ có chủ sở hữu là tổ chức có tư cách pháp nhân) của loại hình doanh nghiệp này.

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 8, ngày 26/11/2014, có hiệu lực kể từ 01/7/2015 ,được coi là một bước đột phá mới về thể chế, có ý nghĩa hết sức quan trọng, vừa tiếp tục kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống của Luật Doanh nghiệp năm 2005, nhưng đồng thời đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thông thoáng cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư được tự do kinh doanh, đầu tư các lĩnh vực mà pháp luật không cấm theo đúng tinh thần Hiến pháp 2013.

Luật DN năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và thay thế Luật DN năm 2014. Luật Doanh nghiệp năm 2020 ra đời với nhiều thay đổi so với luật Doanh nghiệp 2014, tác động trực tiếp đến việc thành lập doanh nghiệp, quản lý cũng như tổ chức hoạt động của một doanh nghiệp. Năm 2020, Luật Doanh nghiệp đã kịp thời được sửa đổi, bổ sung những

điều khoản và quy định mới nhằm phù hợp hơn với thực tế đang diễn ra đối với doanh nghiệp, đồng thời, tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật cũ, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp hơn với xu hướng toàn cầu. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp cập nhật thông tin một cách kịp thời và chính xác theo quy định của pháp luật,

Tóm lại: Hiện nay hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn rất phổ biến ở tất cả các nước trên thế giới. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là mô hình lý tưởng để kinh doanh ở quy mô vừa và nhỏ, chúng có ưu điểm là tạo điều kiện cho các nhà kinh doanh mạnh dạn đầu tư vào các ngành và lĩnh vực có khả năng rủi ro nhiều, thu hồi vốn chậm. Ngoài ra loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã tạo điều kiện cho những người có số vốn vừa và nhỏ có cơ hội làm chủ doanh nghiệp tạo ra được lợi nhuận từ đồng vốn của mình, hiện nay mô hình công ty này được các nhà kinh doanh ưa chuộng. Thực tế mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đang rất phổ biến ở Việt Nam

## **1.2. Khái niệm về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

Tại điều 74 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về khái niệm Công ty TNHH một thành viên như sau:

*“Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một chủ cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty). Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty”.*

Thực tiễn kinh doanh ở nước ta các doanh nghiệp Nhà Nước, các doanh nghiệp của tổ chức chính trị xã hội về bản chất cũng được tổ chức và hoạt động giống như công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (một chủ sở hữu). Luật doanh nghiệp năm 1999 chỉ quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức: Luật doanh nghiệp 2005 đã phát triển và mở rộng cả cá nhân cũng có quyền thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc loại hình công ty đối vốn có tư cách pháp nhân, nhưng không được quyền phát hành cổ phiếu. Còn đối với người nước ngoài tại Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài thì họ được quyền thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và họ sẽ họ sẽ hoạt động theo luật khuyến khích đầu tư trong nước và luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

### **1.3. Đặc điểm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

Công ty trách nhiệm một thành viên có những đặc điểm pháp lý sau đây:

Thứ nhất: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Trừ trường hợp tổ chức hoặc cá nhân không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp. Đây là một đặc điểm nổi bật của loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Điểm nổi bật nhất được thể hiện ở loại hình doanh nghiệp này chính là “Cá nhân có quyền thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lần đầu tiên được thừa nhận trong Luật doanh nghiệp 2005 mà trước đó Luật doanh nghiệp 1999 vẫn còn bỏ ngỏ. Đến hiện tại quy định này vẫn được kế thừa. Chủ sở hữu công ty bao gồm/và là nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về năng lực pháp luật, năng lực hành vi kinh doanh. Đặc điểm này cũng là cơ sở pháp lý để phân biệt với DNTN khi chủ sở hữu DNTN là một cá nhân. Chủ sở hữu công ty được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Thứ hai: Chủ thể có quyền thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân hay pháp nhân độc lập thì họ phải thỏa mãn các điều kiện về năng lực chủ thể, họ hoàn toàn có quyền nhân danh mình khi tham gia các quan hệ kinh tế. Ở đặc điểm này đã cho chúng ta thấy được sự khác nhau trong công ty trách nhiệm hữu hạn có nhiều người làm chủ (tức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên)

Thứ ba: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được giảm vốn điều lệ trong trường hợp: “Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu”

Trước đây không cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vô hình dung lại hạn chế không công bằng và bất hợp lý về quyền được giảm vốn điều lệ so với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được giảm vốn điều lệ khi đáp ứng được điều kiện đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu. Đây là điều luật thể chế

hóa nguyên tắc để xác định, đăng ký vốn thực góp của công ty, giải quyết tình trạng vốn không có thực (ảo) nhưng không thể xử lý được như hiện nay

Theo đó, Công ty TNHH một thành viên nếu không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp thì được quyền đăng ký điều chỉnh giảm vốn bằng giá trị số vốn thực góp. Trong trường hợp này, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ vốn điều lệ đã đăng ký góp, số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị phần vốn góp, mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn cam kết góp.

Trong quá trình hoạt động doanh nghiệp cũng có thể điều chỉnh giảm vốn bằng cách hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của Công ty theo các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được phát hành cổ phiếu tuy nhiên Công ty TNHH 1 thành viên được phát hành trái phiếu đây là quy định mới mà luật trước đó chưa quy định.

Thứ tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với số vốn là một khối thống nhất hoàn toàn độc lập với tài sản riêng của từng thành viên trong công ty, độc lập với tài sản của công ty là phải tuân thủ theo những quy định chung của pháp luật nói chung và đối với các công ty khác nói riêng.

Thứ năm: Chủ sở hữu công ty được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác. Việc chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu công ty phải tuân theo điều kiện nhất định. Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác có thể làm thay đổi toàn bộ công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc CTCP và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng kí kinh doanh theo quy định.

#### **1.4. Ưu nhược điểm của mô hình công ty TNHH một thành viên**

Xuất phát từ những đặc điểm của loại hình doanh nghiệp này, có thể thấy, tổ chức theo loại hình công ty TNHH một thành viên có những ưu điểm và nhược điểm sau:

##### **Ưu điểm**

- Do có tư cách pháp nhân nên các thành viên công ty chỉ trách nhiệm về các hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty nên ít gây rủi ro



cho người góp vốn, chủ sở hữu;

- Chủ sở hữu công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty nên các quyết định được đưa ra nhanh chóng và kịp thời.

- Chế độ chuyển nhượng vốn được điều chỉnh chặt chẽ nên nhà đầu tư dễ dàng kiểm soát được việc thay đổi các thành viên, hạn chế sự thâm nhập của người lạ vào công ty.

### **Nhược điểm:**

- Do chế độ trách nhiệm hữu hạn nên uy tín của công ty trước đối tác, bạn hàng cũng phần nào bị ảnh hưởng;

- Việc triển khai huy động vốn của Công ty TNHH 1 thành viên bị nhiều hạn chế do loại hình doanh nghiệp này không được phát hành cổ phiếu. Công ty TNHH 1 thành viên chịu sự điều chỉnh của pháp luật chặt chẽ hơn. Do công ty TNHH một thành viên chỉ do một cá nhân hoặc tổ chức làm chủ sở hữu. Nên khi huy động thêm vốn góp của cá nhân, tổ chức khác. Sẽ phải thực hiện thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty TNHH hai thành viên hoặc công ty Cổ phần.

- Chủ sở hữu Công ty TNHH 1 thành viên không được rút vốn trực tiếp. Mà phải bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn cho tổ chức hoặc cá nhân khác.

- Tiền lương thanh toán cho Chủ sở hữu không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

### **1.5. Vai trò, ý nghĩa của mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với nền kinh tế**

Cũng như các loại hình doanh nghiệp khác, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là yếu tố quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần doanh nghiệp có vị trí và vai trò rất lớn tác động đến sự phát triển kinh tế- xã hội. Cùng với vai trò đó đã và đang góp phần tăng trưởng cho nền kinh tế nói chung và góp phần vào tăng thu nhập quốc dân, doanh nghiệp vừa thực hiện nghĩa vụ xã hội đồng thời tổ chức các hoạt động kinh tế tìm kiếm lợi nhuận và thực hiện các chính sách của Nhà Nước xã hội được giao. Dù biết rằng loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ mới xuất hiện trong một khoảng thời gian gần đây, được ghi nhận từ Luật doanh nghiệp 1999 và tiếp tục được ghi nhận đến Luật doanh nghiệp 2020. Song trong mỗi giai đoạn khác nhau, công ty trách

nhiệm hữu hạn một thành viên cho thấy vai trò khác nhau đối với nền kinh tế cũng như xã hội.

Luật doanh nghiệp 2020 tiếp tục ghi nhận cá nhân có quyền thành lập công ty và trở thành chủ sở hữu công ty có vai trò quan trọng nhằm đa dạng hóa cơ cấu chủ sở hữu (trước đây chỉ có chủ sở hữu là tổ chức) của loại hình doanh nghiệp này. Bên cạnh đó việc quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân sẽ tạo nên bức tranh minh bạch về chủ sở hữu trong công ty hiện nay, tránh tình trạng đứng hộ tên, số phần góp mà chủ sở hữu công ty ghi cho người khác đứng tên (trong công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên).

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng nền kinh tế, trong giai đoạn hiện nay thì mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên rất phù hợp để cá nhân, tổ chức lựa chọn để phát triển kinh tế đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Đất Nước. Nếu xét từ trước năm 1986, nền kinh tế nước ta có đặc điểm là nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, với hai thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể và hầu như thành phần kinh tế tư nhân không phát triển trong giai đoạn này. Thời kì ấy, kinh tế tư nhân không những không được thừa nhận mà còn bị xem xét là đối tượng cần được tập thể hóa. Do đó ở thời kỳ này các doanh nghiệp nói chung và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nói riêng không được phổ biến ở Nước ta. Từ khi Đảng và Nhà nước ta đổi mới, cộng thêm với sự ra đời của luật doanh nghiệp đã tạo điều kiện rất to lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp nói chung, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nói riêng. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã góp phần sản xuất cho xã hội của cải vật chất không ngừng được tăng cao đáp ứng ngày càng tốt hơn về nhu cầu của đời sống nhân dân.

Tác động lớn của công ty trách nhiệm hữu hạn là giải quyết một số lượng lớn việc làm cho tầng lớp dân cư, góp phần vào việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Xét về luận điểm này thì loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã và đang đóng góp vai trò to lớn, góp phần vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và những vấn đề cấp bách về việc giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trong giai đoạn hiện nay.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã đóng góp vai trò to lớn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần làm cho công nghiệp phát triển

mạnh, đồng thời thúc đẩy các ngành thương mại dịch vụ cùng phát triển, thúc đẩy nền kinh tế Đất Nước ngày càng phát triển có thể cạnh tranh với các nước trong khu vực và thế giới. Loại hình này hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, nhưng đa số hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, thương mại, dịch vụ.... những lĩnh vực hoạt động trên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã góp phần chuyển cơ cấu nền kinh tế Đất nước. Nếu như trước đây kinh tế nước ta phụ thuộc lớn vào nông nghiệp thì ngày nay với tốc độ phát triển kinh tế Đất nước thì các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ đã và đang phát triển mạnh.

## CHƯƠNG 2

# PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN Ở VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VNPT

### 2.1 Pháp luật hiện hành về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

#### 2.1.1 Đăng kí thành lập doanh nghiệp.

##### 2.1.1.1 Điều kiện về chủ thể của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ở các nước phát triển việc thành lập công ty hoàn toàn là quyền của công dân, còn đối với Pháp luật của Việt Nam đã và đang bắt đầu tiếp thu từ tư tưởng tiến bộ này, qua đó xóa bỏ chế độ xin phép thành lập công ty đã tồn tại trong nhiều năm, chỉ thực hiện đăng ký kinh doanh công ty, coi việc thành lập và đăng ký là quyền của công dân và tổ chức được nhà nước bảo hộ bằng pháp luật. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do tổ chức hoặc cá nhân làm chủ sở hữu công ty, chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ và tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn Điều lệ của công ty. Do công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũng là một doanh nghiệp và chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp, một số văn bản có liên quan khác đến luật doanh nghiệp cũng như các công ty khác, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sẽ được đăng ký theo những trình tự nhất định

Như vậy Luật doanh nghiệp 2020 phân chia 2 đối tượng về chủ thể: Đối tượng được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp, đối tượng được quyền góp vốn vào doanh nghiệp. Đối với loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chủ sở hữu công ty chính là người góp vốn để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với điều kiện chủ sở hữu phải không thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp.

Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020 thì tổ chức cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài đều có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật DN năm 2020 được quy định như sau:

*a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn*

vị mình;

b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

c) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

d) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật này, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

đ) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

g) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.

### **2.1.1.2 Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên**

a. Hồ sơ đăng kí doanh nghiệp

Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, hồ sơ đăng kí gồm:

- Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp.

- Điều lệ công ty.

- Danh sách thành viên.

- Bản sao các giấy tờ sau đây:

+ Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân, người đại diện theo pháp luật;

+ Giấy tờ pháp lý của tổ chức đối với thành viên là tổ chức và văn bản cử người đại diện theo ủy quyền; giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức.

Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy tờ pháp lý của tổ chức phải được hợp pháp hóa lãnh sự;

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.

❖ Nội dung giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp

◆ Tên doanh nghiệp.

◆ Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có).

◆ Ngành, nghề kinh doanh.

◆ Vốn điều lệ; vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.

◆ Các loại cổ phần, mệnh giá mỗi loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần.

◆ Thông tin đăng ký thuế.

◆ Số lượng lao động.

◆ Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh.

◆ Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

❖ Điều lệ công ty có các nội dung chủ yếu sau đây:

◆ Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; tên, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có);

◆ Ngành, nghề kinh doanh;

◆ Vốn điều lệ; tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần;

◆ Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ sở hữu công ty, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần;

phần vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập;

- ◆ Quyền và nghĩa vụ của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; của cổ đông đối với công ty cổ phần;

- ◆ Cơ cấu tổ chức quản lý;

- ◆ Người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;

- ◆ Thẻ thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh

- ◆ Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

- ◆ Những trường hợp thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần;

- ◆ Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh;

- ◆ Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty;

- ◆ Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.

- ◆ Điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp phải có họ, tên và chữ ký của những người sau đây:

- ◆ Các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;

- ◆ Chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- ◆ Thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- ◆ Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức đối với công ty cổ phần.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại

diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

❖ Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

- Các giấy tờ chứng thực cá nhân bao gồm
- Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.
- Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

❖ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

- Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân;
- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

❖ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

Như ta đã biết, việc đăng ký kinh doanh là sự ghi nhận về mặt pháp lý cho sự ra đời của một doanh nghiệp. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp mới có được tư cách chủ thể để tiến hành hoạt động kinh doanh một cách hợp pháp theo các quy định của pháp luật.

Việc doanh nghiệp đăng ký kinh doanh nói chung và công ty trách nhiệm



hữu hạn một thành viên nói riêng có ý nghĩa trong việc sự thừa nhận chính thức về mặt pháp lý của sự tồn tại của một doanh nghiệp có tư cách chủ thể để tiến hành các hoạt động kinh doanh. Việc đăng ký kinh doanh có ý nghĩa trong việc cung cấp thông tin về doanh nghiệp. Khi đăng ký kinh doanh các thông tin cần thiết về doanh nghiệp được ghi trong sổ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Những đối tác muốn có quan hệ với doanh nghiệp có thể tìm hiểu thông tin ban đầu về doanh nghiệp bằng cách xem sổ đăng ký kinh doanh.

#### *b. Trình tự, thủ tục đăng kí doanh nghiệp*

##### **Bước 1:** Chuẩn bị hồ sơ

Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp căn cứ vào loại hình doanh nghiệp muốn thành lập, chuẩn bị một bộ hồ sơ tương ứng theo hướng dẫn tại mục 1.

##### **Bước 2:** Nộp hồ sơ

Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh thông qua một trong các phương thức sau đây:

- Trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Qua mạng thông tin điện tử.

So với Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định cụ thể các phương thức gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp để người thành lập, người được ủy quyền thành lập doanh nghiệp có căn cứ để lựa chọn một phương thức thuận tiện nhất cho mình.

##### **Bước 3:** Xem xét hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

##### **Bước 4:** Trả kết quả

Sau khi xem xét hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra một trong hai quyết định sau:

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành cấp Giấy

chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập doanh nghiệp;

Trường hợp từ chối đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

*Hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử (Quy định mới)*

Theo đó, đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử là việc người thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp người thành lập doanh nghiệp lựa chọn đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử thì thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 26 Luật Doanh nghiệp 2020 như sau:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử cũng bao gồm các dữ liệu tương ứng với loại hình doanh nghiệp muốn thành lập như trình bày tại mục 1. và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

**Lưu ý:** Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.

- Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử hoặc sử dụng tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Trong đó, tài khoản đăng ký kinh doanh là tài khoản được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cấp cho cá nhân để thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.

Từ những nội dung trên, ta thấy, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 đã có những thay đổi nhất định. Nhìn chung, sự thay đổi này đều xuất phát từ mục đích tạo sự thuận tiện cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động đăng ký kinh doanh.

*c. Thủ tục sau đăng kí doanh nghiệp*

Theo quy định tại điều 32 luật Doanh nghiệp 2020:

Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải nộp phí theo quy định của pháp luật. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:

Ngành, nghề kinh doanh;

Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có).

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Thời hạn thông báo công khai thông tin về doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 30 ngày kể từ ngày được công khai.

Nói tóm lại, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đã thực hiện một cuộc cải cách hành chính trong việc thành lập doanh nghiệp theo hướng cải cách giảm bớt những thủ tục, hồ sơ trùng lặp không cần thiết, qua đó làm giảm bớt chi phí về thời gian, công sức và tiền bạc cho việc thành lập doanh nghiệp, đồng thời cũng giúp cho doanh nghiệp có được sự chủ động trong hoạt động đặc biệt áp dụng công nghệ mới trong đăng ký kinh doanh. Những cải cách đó đã tháo bỏ những cản trở đã tồn tại nhiều năm nay với việc thành lập doanh nghiệp, qua đó giúp cho xã hội huy động được nguồn vốn đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tăng sức cạnh tranh trên thị trường để làm cho nền kinh tế được phát triển tốt hơn. Và đây là điều hoàn toàn hợp lý trong điều kiện nền kinh tế nước ta mở cửa và tiến hành cải cách thủ tục hành chính tạo lòng tin cho doanh nghiệp lẫn các nhà đầu tư. Xem Việt Nam là một địa chỉ thật sự hấp dẫn cho việc tiến hành hoạt động kinh doanh các loại hình kinh tế nói chung và loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nói riêng.

## **2.1.2. Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên.**

### ***2.1.2.1. Các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu***

*a. Quyền của chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên.*

Trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (Đ76 luật Doanh nghiệp 2020)

1. Chủ sở hữu công ty là tổ chức có quyền sau đây:

- a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý, Kiểm soát viên của công ty;
- d) Quyết định dự án đầu tư phát triển;
- đ) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- e) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính của công ty;
- h) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;
- i) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
- k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
- l) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
- m) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
- n) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- o) Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Nếu chủ sở hữu công ty là cá nhân có quyền quy định tại các điểm a, h, l, m, n và o khoản 1 Điều này; quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác

#### **2.1.2.2. Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty (Đ77 luật Doanh nghiệp 2020)**

- Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.
- Tuân thủ Điều lệ công ty.

- Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

- Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

- Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Vậy là Luật DN năm 2020 đã giữ nguyên nội dung quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu so với Luật DN năm 2014

### **2.1.3. Vốn, chế độ tài chính của cty TNHH 1 thành viên**

#### **2.1.3.1. Vốn điều lệ cty TNHH 1 thành viên**

Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu công ty cam kết góp và ghi trong điều lệ công ty.

Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khi đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu công ty cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

Chủ sở hữu công ty phải góp vốn cho công ty đủ và đúng loại tài sản đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, không kể thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn, thực hiện thủ tục hành chính để chuyển quyền sở hữu

tài sản. Trong thời hạn này, chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp đã cam kết.

### **2.1.3.2. Tăng, giảm vốn điều lệ (Điều 87)**

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

#### **❖ Trường hợp tăng vốn điều lệ**

Bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện như sau:

- + Trường hợp tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;
- + Trường hợp chuyển đổi thành công ty cổ phần thì công ty thực hiện theo quy định tại Điều 202 của Luật DN năm 2020

#### **❖ Giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:**

- + Hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty;
- + Vốn điều lệ không được chủ sở hữu công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 75 của Luật này

### **2.1.3.3. Thủ tục góp vốn thành lập công ty**

- Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn

hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.

- Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

Như vậy, có thể thấy luật doanh nghiệp 2020 vẫn tiếp tục cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên được phép giảm vốn điều lệ. Theo đó, Luật Doanh nghiệp 2020 đã quy định công ty TNHH MTV phải giảm vốn điều lệ đúng với số vốn thực góp mà chủ sở hữu đã góp trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy định về trường hợp thay đổi vốn điều lệ của công ty TNHH MTV có vẻ khó hiểu và khó áp dụng. Cụ thể, Công ty TNHH MTV được thay đổi vốn điều lệ trong trường hợp: *“Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;”*. Quy định này không thể hiện rõ rằng công ty TNHH MTV được giảm vốn điều lệ, mà sử dụng cụm từ “hoàn trả”, và việc hoàn trả chỉ được thực hiện khi đáp ứng 2 điều kiện “hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 2 năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp” và “bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên”.

Do quy định không rõ ràng như vậy, đã dẫn đến luồng ý kiến cho rằng đây thực chất là hành vi rút vốn, vì bản chất công ty TNHH MTV và chủ sở hữu của nó là một thể thống nhất, ý chí của công ty cũng là ý chí của chủ sở hữu, thế nên không thể cho rằng đây là việc công ty hoàn trả vốn cho chủ sở hữu, mà việc hoàn trả vốn nếu có phải xuất phát từ hành động yêu cầu rút vốn từ phía chủ sở hữu. Theo quy định tại Điều 77 Luật Doanh nghiệp 2020 thì “Chủ sở hữu chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp

cho tổ chức và cá nhân khác”, việc chuyển nhượng đồng nghĩa với việc không có sự thay đổi về vốn góp mà chỉ có sự thay đổi về thành viên công ty. Vì thế không thể cho rằng đây là quy định về việc giảm vốn điều lệ. Cũng có luồng ý kiến khác, nhận định việc hoàn trả vốn thực chất là việc giảm vốn điều lệ và nó phát sinh khi doanh nghiệp đáp ứng đủ 2 điều kiện quy định tại Điều 87 Luật Doanh nghiệp 2020. Thế nhưng, căn cứ vào đâu để công ty quyết định hoàn trả vốn cho chủ sở hữu và việc hoàn trả có dẫn đến thay đổi các nội dung liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục hành chính (nếu có) hay không? Đây là vấn đề vẫn chưa được quy định cụ thể.

#### **2.1.3.4. Chuyển nhượng vốn.**

- Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty

- Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.

- Trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu sẽ trở thành chủ sở hữu hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng

- Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty phải được ít nhất ba phần tư số thành viên dự họp tán thành.

#### **2.1.4 Tổ chức bộ máy công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên**



***Cơ cấu tổ chức, quản lý của công ty TNHH 1 thành viên là tổ chức (Điều 79 Luật DN 2020)***

***a. Chủ tịch công ty ( mô hình 1)***

- Người được CSH bổ nhiệm đại diện, làm Chủ tịch công ty.
- Chức năng: nhân danh CSH tổ chức, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CSH công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty.
- Chủ tịch công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và CSH công ty.
- Quyết định của chủ tịch công ty về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CSH công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được CSH công ty phê duyệt trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

***b. Hội đồng thành viên***

- Thành phần: HĐQT gồm tất cả những người được CSH bổ nhiệm làm đại diện theo ủy quyền của CSH.
- Đứng đầu HĐQT là chủ tịch HĐQT do CSH quyết định.
- Chức năng: là đại diện theo ủy quyền của CSH, nhân danh CSH tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của CSH; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ công ty.

Cơ chế làm việc: hoạt động theo cơ chế tập thể bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản

❖ Cuộc họp Hội đồng thành viên

- Hợp lệ khi  $\geq 2/3$  Thành viên dự họp
- Quyết định được thông qua khi
  - $> 1/2$  số thành viên dự họp chấp thuận;
  - $\geq 3/4$  thành viên dự họp chấp thuận đối với các quyết định quan trọng: sửa đổi, bổ sung điều lệ; tổ chức lại công ty; chuyển nhượng 1 phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ

❖ Quyết định của HĐQT có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua.

***c. Tổng giám đốc, giám đốc***

- GD/TGD do HĐQT hoặc chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng

thuê.

- GD/ TGD là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

❖ Tiêu chuẩn và điều kiện Tổng giám đốc/ giám đốc:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác

Vậy dù theo mô hình nào thì Luật DN năm 2020 đã quy định khác so với Luật DN năm 2014 đã bỏ thành phần là Kiểm sát viên. Tuy nhiên, bên cạnh đó cần lưu ý. Đối với công ty có chủ sở hữu công ty là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật này thì phải thành lập Ban kiểm soát; trường hợp khác do công ty quyết định. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, tiêu chuẩn, điều kiện, miễn nhiệm, bãi nhiệm, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên thực hiện tương ứng theo quy định tại Điều 65 của Luật này. Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty.. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì cơ cấu tổ chức, hoạt động, chức năng, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật này

## **2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại VNPT**

### ***2.2.1 Quá trình chuyển đổi từ DNNN sang công ty TNHH MTV của VNPT***

Với những đóng góp và thành tựu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa Xã hội và Bảo vệ Tổ quốc, VNPT đã vinh dự được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ 1999 - 2009 vào ngày 22/12/2009.

- VNPT vừa là nhà cung cấp dịch vụ đầu tiên đặt nền móng cho sự phát triển của ngành Bưu chính, Viễn thông Việt Nam, vừa là tập đoàn có vai trò chủ chốt trong việc đưa Việt Nam trở thành 1 trong 10 quốc gia có tốc độ phát triển Bưu chính Viễn thông nhanh nhất toàn cầu.

Ngày 24/6/2010, Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty trách nhiệm Hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Theo Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 10/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, VNPT đã thực hiện tái cơ cấu tổ chức. Sau khi tái cấu trúc doanh nghiệp, hiện với gần 40 nghìn cán bộ công nhân viên, hạ tầng công nghệ viễn thông tiên tiến, mạng lưới dịch vụ phủ sóng toàn bộ 63 tỉnh thành trên cả nước, VNPT tự hào là nhà cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông số 1 tại Việt Nam, phục vụ khoảng 30 triệu thuê bao di động, gần 10 triệu thuê bao điện thoại cố định và khoảng hàng chục triệu người sử dụng Internet.

Lĩnh vực kinh doanh:

- Dịch vụ và sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện;

- Khảo sát, tư vấn, thiết kế, lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa, cho thuê các công trình viễn thông, công nghệ thông tin;

- Nghiên cứu, phát triển, chế tạo, sản xuất thiết bị, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin;

- Thương mại, phân phối các sản phẩm thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;

- Dịch vụ quảng cáo, nghiên cứu thị trường, tổ chức hội nghị hội thảo, triển lãm liên quan đến lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin;

- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng;

- Dịch vụ tài chính trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện.

### ***2.2.2 Vốn, chế độ tài chính của VNPT***

Quyền của VNPT về tài chính được quy định tại Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định 25/2016/NĐ-CP về như sau:

1. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ, hiệu quả sử dụng vốn, không được làm thay đổi hình thức sở hữu

VNPT. Trường hợp VNPT huy động vốn để chuyển đổi sở hữu phải được sự đồng ý của chủ sở hữu và thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Chủ động sử dụng vốn cho các hoạt động kinh doanh của VNPT.

3. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

4. Được tạm ứng kinh phí cho các đơn, vị được giao nhiệm vụ công ích, dịch vụ công, công ích. Việc hạch toán, thanh toán và quyết toán khoản tạm ứng này được quy định tại Quy chế tài chính của VNPT.

5. Được hưởng chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao, đặt hàng theo quy định của pháp luật.

6. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh của VNPT, được thực hiện một lần với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư và chi phí mang lại trong một năm.

7. Được hưởng cổ tức, lợi nhuận được chia và các lợi ích khác từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vốn khác; không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận thu được từ phần vốn góp vào các công ty con và doanh nghiệp khác, nếu các công ty con và doanh nghiệp này đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trước khi chia lãi cho các bên góp vốn và không bị các hình thức đánh thuế trùng (hai lần) và gộp khác.

8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9. Lại nhuận thực hiện hằng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 73 Điều lệ này.

10. Được thành lập các quỹ đầu tư phát triển; khen thưởng phúc lợi; thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; phát triển khoa học và công nghệ; các quỹ khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù trong lĩnh vực, ngành nghề kinh

doanh chính của VNPT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc thành lập và sử dụng các quỹ này được quy định tại Quy chế tài chính của VNPT.

11. VNPT có quyền bảo lãnh cho công ty con vay vốn tại tổ chức tín dụng theo nguyên tắc sau đây:

a) Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một công ty con do VNPT sở hữu 100% vốn điều lệ không quá giá trị vốn chủ sở hữu của công ty con theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm bảo lãnh.

b) Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với công ty con do VNPT sở hữu trên 50% vốn điều lệ không được vượt quá giá trị vốn góp thực tế của VNPT tại doanh nghiệp tại thời điểm bảo lãnh.

c) Các công ty con được bảo lãnh phải có tình hình tài chính lành mạnh, không có nợ quá hạn theo quy định của pháp luật.

12. Quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

13. Được quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của VNPT theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn; được quyền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được để thu hồi vốn trên nguyên tắc công khai, minh bạch và bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

14. Chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính không có nhu cầu tiếp tục đầu tư để thu hồi vốn theo các quy định hiện hành.

15. Tổ chức thực hiện thanh toán tiền mua, bán các sản phẩm và dịch vụ; thanh toán, bù trừ công nợ trong nội bộ Tập đoàn VNPT khi thực hiện phối hợp kinh doanh theo Quy chế tài chính của VNPT và các quy định của pháp luật.

16. Có các quyền khác về tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là quy định về Quyền của VNPT về tài chính, vấn đề này được quy định rõ tại Nghị định 25/2016/NĐ-CP.

### ***2.2.3 Cơ cấu tổ chức quản lý của VNPT***

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của VNPT gồm:

a) Hội đồng thành viên.

- b) Tổng Giám đốc.
- c) Kiểm soát viên.
- d) Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- đ) Bộ máy giúp việc: Văn phòng và các Ban tham mưu.

Trong quá trình hoạt động, nếu thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của VNPT, VNPT báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều lệ này.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông quốc gia Việt Nam, gọi tắt là Tập đoàn VNPT. Là nhóm các công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ- công ty con, không có tư cách pháp nhân, được gắn bó chặt chẽ và lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, và các dịch vụ kinh doanh khác, bao gồm:

Công ty mẹ, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, gọi tắt là Tập đoàn VNPT, là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, theo quyết định số 955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 24 tháng 6 năm 2010, của Thủ tướng Chính phủ (doanh nghiệp cấp I)

Các công ty con của VNPT (doanh nghiệp cấp II)

Các công ty con của doanh nghiệp cấp II

Các công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết của VNPT

VNPT và các doanh nghiệp trong tập đoàn VNPT có tư cách pháp nhân, có vốn và tài sản riêng; có quyền chiếm hữu, định đoạt tài sản của mình theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận chung giữa các doanh nghiệp trong tập đoàn.

#### ***2.2.4 Đánh giá hoạt động của VNPT sau chuyển đổi sang mô hình công ty TTHH MTV***

##### ***2.2.4.1 Những kết quả đạt được***

Theo công bố của VNR 500 - Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam công bố năm 2012, đây là doanh nghiệp lớn thứ 3 Việt Nam, chỉ sau hai tập đoàn đó là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

VNPT là Tập đoàn kinh tế nhà nước (Việt Nam) đứng số 2 về lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông tại Việt Nam, được Chính phủ Việt Nam giao trọng trách là chủ đầu tư và là doanh nghiệp được quyền kinh doanh, vận hành và khai thác vệ tinh đầu tiên của Việt Nam, VINASAT-1 và VINASAT-2.

Với những nỗ lực và kết quả đạt được trong việc phát triển mạng băng rộng

phục vụ cộng đồng, đặc biệt là người dân ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa của Việt Nam, ngày 27/09/2011, VNPT đã vinh dự được trao giải thưởng quốc tế "Băng rộng thay đổi cuộc sống" trong khuôn khổ Diễn đàn Băng rộng quốc tế lần thứ 11 tại Paris, Pháp.

Ngày 16/05/2012, VNPT đã phóng thành công Vệ tinh viễn thông thứ 2 của Việt Nam VINASAT-2 lên quỹ đạo tại bãi phóng Kouru, Guyana, Nam Mỹ. Vệ tinh sẽ nằm tại vị trí vị trí 131,80E. Vệ tinh VINASAT-2 đã đi vào khai thác trong quý 3 năm 2012

Ngày 8/5/2015, Tập đoàn VNPT đã ký quyết định thành lập 3 Tổng công ty trực thuộc: Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-VinaPhone), Tổng Công ty Truyền thông (VNPT-Media) và Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net). Cuối năm 2015, VNPT đã đầu tư xây dựng và khai trương 2 trung tâm dữ liệu (DataCenter) tại Nam Thăng Long-TP Hà Nội và Tân Thuận-TP Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn quốc tế, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ máy chủ và lưu trữ cho khách hàng.

VNPT tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu tổ chức hoạt động theo Quyết định số 2129-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai công tác cổ phần hóa Công ty mẹ. Cơ cấu tổ chức của VNPT tiếp tục được cải tổ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tập trung tối ưu nguồn lực.

Cụ thể, trong năm 2018 VNPT đã hoàn thành việc tái cấu trúc khối CNTT, thành lập Công ty VNPT-IT. Đây là trụ cột của VNPT về sản xuất phần mềm và các ứng dụng CNTT, tạo sức mạnh cho VNPT bứt phá mạnh mẽ trong quá trình chuyển đổi số trong những năm tiếp theo.

Số lượng lao động của Tập đoàn VNPT đến hết Quý 4/2018 là 37.656 người. Trong đó, số lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 62,40%.

VNPT tiếp tục nâng cao và khẳng định vai trò và vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực triển khai xây dựng Chính phủ điện tử và chuyển đổi số tại Việt Nam nhằm mục tiêu trở thành nhà cung cấp hàng đầu về dịch vụ số tại Việt Nam năm 2025 và trở thành Trung tâm giao dịch số tại Châu Á vào năm 2030.

VNPT trở thành một “hình mẫu mực” trong lĩnh vực viễn thông” là đánh giá của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ dành cho Tập đoàn VNPT sau quãng thời gian 5 năm vừa tái cấu trúc, vừa sản xuất kinh doanh mà vẫn tăng trưởng lợi nhuận cao và ổn định, đảm bảo đời sống cho hàng chục ngàn lao động.

#### **2.2.4.2 Những tồn tại, thách thức**

Là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ sở hữu là Nhà nước. Quy mô lớn, có chi nhánh tại 63 tỉnh thành.

*Thứ nhất là:* Mô hình lâu nay của VNPT còn rất nhiều tồn tại, công kênh trong cả quản lý, cơ cấu tổ chức và kinh doanh vẫn còn có quá nhiều đầu mối trung gian

Ngày 24/6/2010, Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty trách nhiệm Hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 955/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, mô hình tổ chức của VNPT vẫn còn có quá nhiều đầu mối trung gian, mỗi khi “ông” nhân viên bán hàng khó khăn thì lại phải chạy lên “ông” trưởng phòng, rồi từ trưởng phòng lại lên “ông” trung tâm, từ trung tâm lại lên công ty, công ty lại lên tổng công ty... chạy lòng vòng một hồi mới xuống cấp đơn vị thực hiện. “Như thế thì rất khó mà cạnh tranh được,”

*Thứ hai là:* tại chi nhánh VNPT ở mỗi tỉnh, thành phố, giám đốc thường đảm trách luôn cả về mặt kỹ thuật lẫn kinh doanh, vì thế khi bộ phận kinh doanh phía dưới trình các hoạt động chi phí cho kinh doanh, tiếp thị, biển hiệu... thì giám đốc chi nhánh thường chần chừ, không quyết đoán và tâm lý dồn đầu tư vào hạ tầng hơn là cho kinh doanh, tiếp thị.

Những tồn tại vướng mắc ngay trong nội bộ của Tập đoàn, yêu cầu cần phải được tháo gỡ và tiếp tục hoàn thiện mô hình doanh nghiệp.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả, khắc phục các tồn tại này, năm 2014, VNPT bắt đầu tiến hành tái cơ cấu theo các Quyết định số 888/QĐ-TTg và Quyết định số 2129/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Với quyết tâm cao và định hướng đúng đắn, VNPT đã tái cơ cấu thành công và thay đổi toàn diện ở một số mặt quan trọng như mô hình tổ chức – nhân lực, quản trị chiến lược, quản trị kinh doanh, cơ chế kinh tế, cải cách hạ tầng – quản trị mạng lưới và chuyển đổi số.

*Thứ ba là:* Việc đổi mới phương thức kinh doanh dịch vụ viễn thông, đây là một trong những bài toán đặt ra cho VNPT để giữ chân khách hàng cũ và phát triển được thuê bao mới. Mô hình kinh doanh viễn thông cố định và di động VNPT là chưa phù hợp với xu thế chung của thế giới. Hiện đang có sự tách bạch giữa DN cung cấp dịch vụ viễn thông và DN kinh doanh thiết bị đầu cuối. Tại thị trường



viễn thông thế giới, đặc biệt là các nước phát triển (Nhật, Mỹ, Anh, Pháp...) các nhà mạng khi cung cấp dịch vụ viễn thông cũng đồng thời là nhà cung cấp thiết bị đầu cuối (máy điện thoại) cho khách hàng.

Do vậy, khách hàng sử dụng thuê bao di động khi ký hợp đồng với DN viễn thông theo các loại hợp đồng (12 tháng/24 tháng) sẽ căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ của mình để lựa chọn gói cước phù hợp với khả năng chi trả hàng tháng của mình. Đổi lại, khách hàng sẽ được hưởng lợi dựa trên nhu cầu sử dụng dịch vụ của mình: số phút/tin nhắn/dịch vụ dữ liệu miễn phí, các dịch vụ giá trị gia tăng miễn phí: mạng xã hội, Video... hay thậm chí là cả thiết bị đầu cuối hiện đại của các nhà sản xuất hàng đầu thế giới.

## CHƯƠNG 3

# ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN TẠI VNPT

### 3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

#### *3.1.1 Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế*

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản về kinh tế của con người. Một xã hội được cho là tiến bộ nếu nó thừa nhận quyền tất cả mọi người có cơ hội kiếm sống bằng công việc do họ tự lựa chọn, Nhà Nước có nghĩa vụ thi hành các biện pháp để bảo vệ quyền này, trong đó bao gồm việc thực hiện các chính sách các biện pháp kinh tế nhằm phát triển vững chắc nền kinh tế xã hội bảo đảm các quyền tự do cơ bản về kinh tế của từng cá nhân công dân. Xuất phát từ những cơ sở đó việc hoàn thiện những quy định Pháp luật về công ty TNHH một thành viên là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về công ty ở Nước ta. Đó chính là sự triệt để tôn trọng và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân, tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

Việc pháp luật bổ sung thêm loại hình công ty trách nhiệm một thành viên vào hệ thống các loại hình DN ở Việt Nam là một bước phát triển mới trong quá trình từng bước hoàn thiện Pháp luật về công ty. Để loại hình DN này ngày càng phát triển, phát huy được những ưu điểm vốn có của nó trong việc thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư vào hoạt động kinh doanh, chế định này cần phải được hoàn thiện:

Trong nền kinh tế thị trường với nhiều cơ hội kinh doanh nhưng cũng gặp không ít khó khăn và rủi ro. Việc quy định loại hình Công ty TNHH một thành viên với những ưu điểm của nó và đã đang đáp ứng được nhu cầu thiết thực, đáp ứng được nguyện vọng của giới kinh doanh. Tuy nhiên muốn loại hình Công ty này hoạt động có hiệu quả hơn thì Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan cần ban hành những Nghị định và Thông tư hướng dẫn chi tiết hơn về quyền sở hữu tài sản của công ty TNHH một thành viên cũng như quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty phù hợp với mục đích và yêu cầu đặt ra. Ban hành, phổ biến và

hướng dẫn thực hiện các văn bản Pháp luật về DN trong việc thực hiện về trình tự thủ tục, ngành nghề kinh doanh. Đảm bảo thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài việc đổi mới cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính pháp luật, cần tạo ra môi trường kinh doanh thật sự bình đẳng, mở rộng hơn nữa các loại hình DN trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư phát huy được khả năng trình độ sự năng động sáng tạo của các nhà DN. Có như vậy nền kinh tế của Nước ta mới ổn định, phát triển nhanh, mạnh và vững chắc.

Bên cạnh việc tạo lập môi trường kinh doanh an toàn, Nhà Nước phải tăng cường giáo dục, phổ biến và giải thích pháp luật trong nhân dân nói chung và cả các nhà kinh doanh nói riêng đã góp phần cho loại hình Công ty TNHH một thành viên ra đời và kinh doanh thuận lợi theo quy định của pháp luật.

Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải đảm bảo mọi DN đều bình đẳng trước pháp luật

Phải xây dựng hệ thống pháp luật nước ta ngày càng hoàn thiện hơn, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật nhằm trách những quy định chưa đầy đủ của luật pháp đã tạo cơ hội cho một số DN đó hoạt động phi pháp, thi lợi bất chính trong kinh doanh ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và lợi ích của Nhà Nước. Bên cạnh đó càng làm tăng thêm lòng tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm bỏ vốn để đầu tư làm ăn. DN đăng ký kinh doanh sau đó đi vào hoạt động thì Nhà Nước các cơ quan chức năng cần thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động kinh doanh của họ nhằm tránh xuất hiện những DN “ma” khi đăng ký kinh doanh và sau đó biến mất trên thị trường nhằm mục đích trốn thuế, trong khi đó hàng hóa của họ lại tràn ngập trên thị trường làm ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh gây nên thất thu cho Nhà Nước.

Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trên cơ sở tôn trọng và phát huy quyền tự do kinh doanh

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân, của các chủ thể kinh doanh, được hầu hết các nước trên thế giới tôn trọng, bảo vệ. Ở Việt Nam, quyền tự do kinh doanh đó được khẳng định tại Điều 33 Hiến pháp 2013. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật DN phải có những quy định khẳng định rõ và đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân. Thực hiện được nguyên tắc

này chính là động lực chủ yếu khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia tích cực vào hoạt động lao động, sản xuất khơi dậy nguồn lực, phát huy tối đa sức mạnh nhân dân, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Cụ thể, khi hoàn thiện pháp luật về công ty TNHH một thành viên ở Việt Nam phải đảm bảo yêu cầu làm thế nào để việc thành lập và hoạt động của công ty này thật sự dễ dàng, thuận tiện cho công dân, cho các nhà kinh doanh mà vẫn bảo đảm được yêu cầu quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

### ***3.1.2 Hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế.***

Nhà Nước cần đưa ra nhiều chính sách ưu đãi hơn đối với các DN, một khi có các chính sách ưu đãi của Nhà Nước được đưa ra thì các nhà đầu tư sẽ mạnh dạng đầu tư vào loại hình Công ty TNHH một thành viên nhiều hơn. Nhà Nước cần tăng cường các biện pháp cưỡng chế đối với công ty mang tính chất kinh doanh không hợp pháp, lừa dối khách hàng, cạnh tranh không lành mạnh làm ảnh hưởng đến thị trường, nói xấu mặt hàng của người khác lợi dụng khách hàng để trục lợi.

Bên cạnh đó Nhà Nước cần phải có chính sách thuế ưu đãi hơn, vì khi có chính sách đó các nhà đầu tư sẽ mạnh dạng đầu tư vào loại hình Công ty TNHH một thành viên ngày càng nhiều hơn.

## **3.2 Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

### ***3.2.1. Hoàn thiện quy định về thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

#### *Thứ nhất, đơn giản hóa thủ tục thành lập DN*

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DN và người dân có nhu cầu đăng ký DN trong việc gia nhập thị trường, trong thời gian qua, công tác rà soát trình tự, thủ tục hành chính được các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành một cách thường xuyên và liên tục. Qua đó, đã từng bước cắt giảm được các thủ tục không cần thiết trong đăng ký DN giúp cho công tác đăng ký DN ngày càng đơn giản và thuận tiện.

Tuy nhiên, cơ quan đăng ký kinh doanh cần tiếp tục triển khai các giải pháp sau để cải cách hơn nữa thủ tục thành lập DN.

Một là cần thống nhất đầu mối cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký DN. Việc giao thẩm quyền cho Sở Kế hoạch Đầu tư thực hiện đăng ký

DN là hợp lý. Các cơ quan có thẩm quyền trong từng lĩnh vực cụ thể có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động hoặc xác nhận là DN có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực đó.

Hai là, mở rộng thủ tục đăng ký DN cho DN cho pháp luật chuyên ngành điều chỉnh. Tức là không bó hẹp quy định trong Luật DN nữa mà quy định cả trong Luật DN và cả các Luật chuyên ngành khác. Đồng thời bổ sung đầy đủ các Luật chuyên ngành vào quy định tại Điều 3 của Luật DN 2014.

Ba là, thống nhất quy định về giấy chứng nhận đăng ký DN đối với các luật chuyên ngành không quy định giấy phép hoạt động đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký DN nữa, cần phải có sự tách bạch rõ ràng về bản chất của từng loại giấy phép như quy định hiện nay của Luật Đầu tư 2014 và Luật các tổ chức tín dụng 2010. Coi việc cấp các loại giấy phép hoạt động là những hoạt động độc lập với việc đăng ký kinh doanh cho DN. Nhận thức rõ ràng việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là nhằm xác lập tư cách pháp nhân cho DN. Nó hoàn toàn khác với việc cho phép DN hoạt động trong một ngành nghề, lĩnh vực nào đó.

Bốn là, cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện áp dụng thống nhất về đăng ký kinh doanh đối với tất cả các ngành nghề, không để tình trạng các luật chuyên ngành lấn sân Luật DN, tạo sự chông chéo trong việc quản lý DN.

Năm là, thực hiện thống nhất nguyên tắc: đã hoạt động kinh doanh thì trước tiên phải đăng ký kinh doanh để xác lập tư cách pháp nhân của chủ thể kinh doanh, sau đó cấp giấy phép hoạt động, cấp giấy chứng nhận đầu tư ngành nghề gì thì cấp.

#### *Thứ hai, cần kiện toàn cơ quan đăng ký kinh doanh*

Trước hết, kiện toàn đội ngũ các bộ trong các cơ quan liên quan đến việc thực thi Luật DN. Một thực tế là làm công tác quản lý cũng có nhiều bất cập về trình độ chuyên môn. Thậm chí, có những DN được cấp mã số đăng ký kinh doanh giống nhau, hoạt động nhiều năm liên tục mà không hề có vấn đề gì, đến khi kinh doanh có nhu cầu thay đổi đăng ký kinh doanh, DN đến nộp hồ sơ thì phòng đăng ký kinh doanh mới phát hiện DN này có mã số trùng với DN khác, con dấu và mã số thuế... Những trường hợp xảy ra tương tự như thế không phải là ít. Bởi vậy, chúng ta cần có những khóa huấn luyện, đào tạo về Luật DN mới, cần phổ biến tinh thần của Luật DN nói chung và Luật DN điều chỉnh công ty TNHH một thành

viên nói riêng để đảm bảo cho đội ngũ có sự nhất quán về chuyên môn, cũng như phong cách làm việc.

Đồng thời, chúng ta cần trang bị phương tiện làm việc hiện đại cho các cơ quan thực thi Luật DN. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến cường độ và chất lượng công việc. Một vấn đề đang diễn ra ở nước ta đã là việc cho phép các DN tiến hành đăng ký kinh doanh qua mạng nhưng trên thực tế ở đây có sự bất cập cả hai chiều: Thứ nhất, đội ngũ các bộ đăng ký kinh doanh chưa có thói quen làm việc qua mạng, nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ và trả lời kết quả qua mạng; Thứ hai, trình độ dân trí vẫn còn hạn chế nên việc hoàn tất các thủ tục đăng ký kinh doanh qua mạng là một vấn đề khó khăn. Bởi vậy, tất cả các khâu đoạn đăng ký kinh doanh đều phải giải quyết trực tiếp, dẫn đến hoạt động tại các cơ quan này đang ở trong tình trạng quá tải. Đây chính là nguyên nhân khiến các DN phải chờ đợi hoặc tiêu cực xảy ra tại các cơ quan này. Bởi thế, các cơ quan Trung ương cần tổ chức các lớp tập huấn công việc của cơ quan, dạy cách quản lý hành chính nhà nước trong thời đại mới - thời đại công nghiệp hóa thông tin.

### ***3.2.2. Hoàn thiện quy định về tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

*Thứ nhất, pháp luật về kiểm soát viên trong công ty TNHH một thành viên là tổ chức.*

Đánh giá Luật DN 2020 cho thấy quy định về kiểm soát viên bảo đảm được tính độc lập; chưa đảm bảo có đủ năng lực, trình độ chuyên môn nghề nghiệp và nguồn lực để thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định. Ngoài ra, chưa có cơ chế để kiểm soát viên sử dụng để buộc các kiến nghị của mình được thực hiện trong trường hợp thực sự cần thiết và giám sát có hiệu quả đối với hoạt động của người quản lý công ty. Theo chúng tôi, Luật DN cần bổ sung quy định chi tiết hơn và bổ sung một số quyền cho kiểm soát viên, như: tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên, cuộc họp của công ty; xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

*Thứ hai, quy định về quyền biểu quyết của người có liên quan trong giao dịch tư lợi*

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc thực hiện các hợp đồng giao dịch của công ty TNHH một thành viên với những người có liên quan,

khuyến nghị bổ sung quy định Điều 76 Luật DN (2020) theo hướng hạn chế quyền biểu quyết của người có liên quan trong giao dịch tư lợi để tránh trường hợp trục lợi cho riêng mình. Cụ thể, Luật DN cũng nên quy định rõ đó là khi biểu quyết thông qua các giao dịch tư lợi, người có lợi ích liên quan đến giao dịch đó phải bị loại trừ quyền biểu quyết, tránh trường hợp nếu luật không quy định rõ ràng sẽ là một lỗ hổng tạo cơ hội cho những kẻ trục lợi rút ruột công ty.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo được lợi ích của công ty cũng như lợi ích của chủ sở hữu công ty không bị xâm hại, Luật DN nên tách bạch ba quyền quản lý, điều hành và kiểm soát trong công ty TNHH một thành viên là tổ chức để đảm bảo công ty hoạt động hiệu quả và có sự giám sát, kiểm tra. Nếu Luật DN vẫn để ngỏ trường hợp ba quyền quản lý, điều hành và kiểm soát có thể rơi vào tay một cá nhân (vừa là chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kiểm soát viên) thì tài sản của chủ sở hữu rất dễ dàng bị thất thoát.

#### *Thứ ba, hạn chế đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc*

Trong Luật DN, tại Điều 116 có quy định: “Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty không được đồng thời là giám đốc hoặc tổng giám đốc của DN khác”. Thế nhưng vấn đề hạn chế này lại không được nêu ra trong Phần Công ty TNHH một thành viên. Theo tôi nên áp dụng việc hạn chế này đối với các mô hình công ty bởi với chức năng, nhiệm vụ là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty thì rất khó cho việc một lúc đảm nhiệm nhiều công ty. Quy định này sẽ góp phần tránh được việc yếu kém trong quản lý điều hành của DN hay tránh việc mở, thành lập Công ty một cách tràn lan sau đó không thực hiện được việc quản lý, điều hành dẫn đến DN yếu kém, thậm chí dừng hoạt động và bỏ trốn khỏi nơi cư trú... Điển hình trên thực tế đã có một người đã từng thành lập và làm giám đốc đến 35 công ty trách nhiệm hữu hạn.

#### **3.2.3. Hoàn thiện các quy định về vốn**

##### *Thứ nhất, về vốn điều lệ*

Như đã phân tích ở trên, Nghị định 102/2010/NĐ-CP quy định thời hạn chủ sở hữu công ty phải góp đủ vốn cam kết là 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký DN là một thời gian quá dài, trong khi đó thời hạn góp vốn của công ty cổ phần với cơ cấu phức tạp hơn luật chỉ quy định 90 ngày. Thiết nghĩ, pháp luật nên đồng nhất thời hạn góp vốn theo hướng: các DN (công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty TNHH một thành viên, công ty cổ phần) đều phải bảo

đảm và thực hiện việc góp vốn tối thiểu là 20% số vốn điều lệ ngay tại thời điểm đăng ký kinh doanh, phần còn lại có thể góp nhưng tối đa cũng không được quá 12 tháng kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận DN (ngày DN được đăng ký và ghi trên giấy chứng nhận). Thời hạn 12 tháng được đưa ra là vì đây là mốc phù hợp với kế hoạch phát triển hàng năm của các công ty. Hơn nữa đó cũng là thời hạn để xác định thực lực của công ty khi đi vào hoạt động kinh doanh, giảm bớt được những DN ảo, DN không có vốn thực.

### *Thứ hai, về tài sản góp vốn và định giá tài sản góp vốn*

Như đã phân tích ở trên, khi góp vốn bằng quyền sử dụng đất, người góp vốn vẫn chịu thuế chuyển quyền sử dụng đất vào DN (Luật Thuế thu nhập cá nhân) bởi vậy đã ảnh hưởng đến khả năng đưa vốn và tài sản vào DN để khai thác. Thiết nghĩ, để giải quyết vướng mắc này, pháp luật nên bổ sung trong vấn đề góp vốn bằng bất động sản, khi làm thủ tục đăng ký trước bạ sang tên cho DN người góp vốn được miễn thuế và miễn lệ phí trước bạ.

Có thể thấy pháp luật hiện hành chưa tạo đủ cơ sở pháp lý điều chỉnh vấn đề định giá tài sản góp vốn. Có rất nhiều vấn đề cần có những quy định hướng dẫn bổ sung, cũng như cần có những quy định mới như: nên có văn bản hướng dẫn việc định giá cụ thể đối với một số tài sản đặc thù được sử dụng vào việc góp vốn như quyền sở hữu trí tuệ; đồng thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho chủ sở hữu khi góp vốn thành lập DN mà gặp khó khăn trong việc tự định giá, pháp luật nên quy định quyền được thuê tổ chức định giá chuyên nghiệp thực hiện việc định giá. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên hay phòng ban nghiệp vụ nào đó của công ty không thể thay mặt DN thực hiện quyền định giá mà phải do một cơ quan độc lập. Điều này có thể xóa bỏ trách nhiệm phi lý của người đại diện cho công ty trong trường hợp định giá sai.

Ngoài ra, để nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người thực hiện việc định giá, pháp luật cần quy định cụ thể về thời điểm thực hiện trách nhiệm “đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá” là ngày tại thời điểm phát hiện vi phạm. Khi sửa đổi theo hướng này, pháp luật DN sẽ vừa thực hiện được mục tiêu bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, vừa đảm bảo thực hiện hiệu quả nguyên tắc “hậu kiểm”, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của nhà đầu tư.



### ***3.2.4. Hoàn thiện quy định về nghĩa vụ người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên***

*Thứ nhất, mở rộng khái niệm “người quản lý” và “người có liên quan” trong công ty.*

- Về khái niệm “người quản lý”

Như đã nói ở phần đầu (định nghĩa người quản lý trong công ty TNHH một thành viên), quy định của Luật DN 2020 cho thấy người quản lý công ty được định nghĩa bằng cách liệt kê một loạt các chức danh theo luật định. Điều này trong nhiều trường hợp sẽ gây ra không ít khó khăn cho việc xác định các trách nhiệm pháp lý của họ. Bởi lẽ, hiện nay ở một số DN, có nhiều người quản lý công ty trên thực tế nhưng lại không giữ các chức danh quản lý vì nhiều lý do như không đủ tiêu chuẩn theo quy định hoặc lách luật... Trong luật thực định Việt Nam, chúng ta không có các khái niệm và phạm trù nào về Giám đốc thực tế hay Giám đốc giấu mặt, mặc dù nó đã xuất hiện từ lâu. Điều này gây ra nhiều khó khăn trong việc bảo vệ quyền lợi của Chủ sở hữu, chủ nợ và những người có liên quan.

Có nhiều trường hợp nhiều người mặc dù không được chính thức bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc, nhưng họ lại có thể chỉ đạo và điều khiển các Giám đốc hợp pháp hành động theo ý chí của mình. Vấn đề đặt ra nếu có sai phạm thì ai sẽ là người chịu trách nhiệm, người chỉ đạo hay người thực hiện? Vấn đề này Luật DN 2020 vẫn còn bỏ ngỏ.

Do vậy Luật DN nên quy định theo hướng mở rộng khái niệm người quản lý, xác định người quản lý không chỉ căn cứ vào chức danh mà họ nắm giữ mà còn phải dựa vào chức năng mà người đó thực hiện. Song cũng phải xét đến khía cạnh không phải tất cả những ai đưa ra lời khuyên có tác động tới hành động của Giám đốc hợp pháp đều bị coi là Giám đốc giấu mặt.

- Về vấn đề “người có liên quan”

Luật DN xác định “người có liên quan” (Khoản 23 Điều 4) nhằm ngăn ngừa và giám sát các giao dịch tư lợi, đảm bảo các giao dịch đó được thực hiện công bằng và không gây tổn hại cho lợi ích của công ty và chủ sở hữu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các giao dịch tư lợi với những người có liên quan xảy ra là không ít, nhất là trong khu vực kinh tế Nhà nước và các DN cổ phần hoá. Liên quan đến nội dung này, chúng ta cũng nhận thấy được hạn chế của Luật DN khi không có các thiết chế, chế tài điều chỉnh về vấn đề đại diện, vẫn có nhiều đại diện quản lý

phần vốn góp của các DN Nhà nước có thể làm đại diện ở rất nhiều công ty khác với nhiều lợi ích không thể kiểm soát được...cần phải có sự định nghĩa thống nhất về “người có liên quan” trong các văn bản pháp luật thực định (Luật DN, luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành) đồng thời phải được áp dụng thống nhất không có sự phân biệt khu vực DN tư doanh hay các DN nhà nước, đơn giản hoá cách viết, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Để chống xung đột về lợi ích, cần mở rộng khái niệm về các đối tượng có liên quan. Theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS (Điều 24, Khoản 9, IAS) các định nghĩa về “người liên quan” rộng hơn so với quy định của Luật DN 2014. Theo đó, cần mở rộng các đối tượng có liên quan như: con dâu, con rể, bố vợ (chồng), mẹ vợ (chồng), anh (em) rể, chị (em) dâu và nhiều cán bộ công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước là những bộ, ban, ngành đại diện quyền sở hữu Nhà nước cùng những người có liên quan của họ.

*Thứ hai, hoàn thiện quy định về quyền biểu quyết của người có liên quan trong giao dịch tư lợi.*

Một vấn đề Luật DN hiện hành còn chưa quy định đó là khi biểu quyết thông qua các giao dịch tư lợi thì người có liên quan đến giao dịch đó phải bị loại trừ quyền biểu quyết. Tuy nhiên, Luật DN 2014 quy định về công ty TNHH một thành viên là tổ chức lại bỏ qua vấn đề này. Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty TNHH một thành viên với những người có liên quan, đề nghị bổ sung quy định Luật DN 2020 theo hướng hạn chế quyền biểu quyết của người có liên quan trong các giao dịch tư lợi để tránh trường hợp trục lợi cho riêng mình. Nếu vấn đề này không được khắc phục thì sẽ là một lỗ hổng tạo cơ hội cho các giao dịch tư lợi của những người nắm quyền quản lý, điều hành công ty, ảnh hưởng đến lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty.

*Thứ ba, hoàn thiện các quy định về công khai thông tin trong công ty TNHH một thành viên.*

Một trong những nguyên nhân của tình trạng tham nhũng xảy ra đối với các công ty TNHH một thành viên đặc biệt là các công ty 100% vốn nhà nước đó là tình trạng minh bạch thông tin chưa được thực hiện một cách nghiêm túc. Chất lượng thông tin cũng là một vấn đề rất quan trọng quyết định chất lượng của việc công khai thông tin. Pháp luật cần phải có các quy định thống nhất về các nội

dung và tiêu chuẩn công khai sao cho các thông tin khi được công khai phải đầy đủ và chính xác. Trước thực trạng thông tin đưa ra không rõ ràng chính xác đã dẫn đến sự mất cân đối giữa chất lượng và số lượng thông tin giữa chủ sở hữu và những người quản lý điều hành, công ty. Không ai hiểu DN hơn các nhà quản trị. Thông tin “tay trong” dễ dàng có thể biến thành tiền có lợi cho cá nhân và gia đình họ.

Luật DN hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan nên có những quy định liên quan đến vấn đề công bố thông tin theo hướng:

- Nâng cao chất lượng thông tin bằng cách gắn trách nhiệm với những thông tin được công bố. Chỉ có quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng bộ phận, cá nhân mới khiến họ làm việc tận tâm và trung thực, tránh tình trạng quy định chung chung chỉ mang tính hình thức thì sẽ không gây ra sức ép buộc những vị lãnh đạo trong công ty làm việc một cách công tâm và trung thực.. Đối với các DN do Nhà nước làm chủ sở hữu thì các báo cáo về tình hình hoạt động hàng năm và báo cáo về tài chính của DN cần phải được kiểm toán. Người đại diện theo pháp luật của DN phải chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực và đầy đủ của thông tin được công bố. Việc kiểm toán phải được thực bởi một tổ chức kiểm toán độc lập, có năng lực và có chất lượng.

Cần công khai hóa những đánh giá, dự báo của HĐQT( Chủ tịch công ty) về tiềm năng phát triển, và nhất là các rủi ro có thể xảy đến với công ty và mức độ của những rủi ro đó. Các quy định về công bố thông tin liên quan đến xung đột lợi ích cần phải được củng cố, chẳng hạn việc quy định công bố thông tin về giao dịch với các bên liên quan cần phải chặt chẽ hơn và có sự thống nhất giữa các quy định khác nhau.

### **3.3 Các giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức tại VNPT**

Luật DN xác định “người có liên quan” (Khoản 17 Điều 4) nhằm ngăn ngừa và giám sát các giao dịch tư lợi, đảm bảo các giao dịch đó được thực hiện công bằng và không gây tổn hại cho lợi ích của công ty và chủ sở hữu. Liên quan đến nội dung này, chúng ta cũng nhận thấy được hạn chế của Luật DN khi không có các thiết chế, chế tài điều chỉnh về vấn đề đại diện. Về vấn đề “người có liên quan”, cũng tương tự như việc tối ưu mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động với loại hình doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nói chung. VNPT đã và đang hoàn thiện.

Để chống xung đột về lợi ích, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên-Tập đoàn VNPT cần nghiên cứu thực hiện tham khảo, áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế IAS (Điều 24, Khoản 9, IAS) các định nghĩa về “người liên quan” rộng hơn so với quy định của Luật DN 2014. Theo đó, đã mở rộng các đối tượng có liên quan như: con dâu, con rể, bố vợ (chồng), mẹ vợ (chồng), anh (em) rể, chị (em) dâu và nhiều cán bộ công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước là những bộ, ban, ngành đại diện quyền sở hữu Nhà nước cùng những người có liên quan của họ.

VNPT đã hoàn thiện các quy định về công khai thông tin trong công ty TNHH một thành viên. Tuy nhiên, đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng tham nhũng xảy ra đối với các công ty TNHH một thành viên đặc biệt là các công ty 100% vốn nhà nước đó là tình trạng minh bạch thông tin chưa được thực hiện một cách nghiêm túc. Chất lượng thông tin cũng là một vấn đề rất quan trọng quyết định chất lượng của việc công khai thông tin. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng thông tin bằng cách gắn trách nhiệm với những thông tin được công bố. Quy định trách nhiệm cụ thể đối với từng bộ phận, cá nhân tránh tình trạng quy định chung chung chỉ mang tính hình thức thì sẽ không gây ra sức ép buộc những vị lãnh đạo trong công ty làm việc một cách công tâm và trung thực.

VNPT công khai hóa những đánh giá, dự báo của HĐQT( Chủ tịch công ty) về tiềm năng phát triển, và nhất là các rủi ro có thể xảy đến với công ty và mức độ của những rủi ro đó.

Mô hình tổ chức của VNPT còn chồng chéo, VNPT có nhiều tổng công ty con, tổng công ty con có nhiều chi nhánh , tất cả 63 tỉnh thành đều có các chi nhánh của các tổng công ty. Mối quan hệ giữa công ty mẹ, công ty con được thể hiện ra một số nét sau:

Một là: Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con.

Hai là: Vì cả công ty mẹ và công ty con đều có tư cách pháp nhân nên quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con được thiết lập chủ yếu thông qua hợp đồng và các giao dịch khác.

Ba là: Trường hợp công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động kinh doanh gây

thiệt hại cho công ty con thì công ty mẹ phải chịu trách nhiệm.

Tháng 5/2015, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) đã tổ chức buổi Lễ công bố các quyết định thành lập 3 Tổng công ty Theo Tập đoàn VNPT, theo Quyết định số 888/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT).

Theo đó, Công ty hạ tầng mạng (VNPT Net) là Tổng ty hạch toán phụ thuộc và 2 Tổng công ty con hạch toán độc lập là Tổng Công ty TNHH MTV Dịch vụ viễn thông (VNPT Vinaphone) và Tổng Công ty TNHH MTV Truyền thông (VNPT Media).

Với mô hình tổ chức hiện tại của VNPT, Nhà nước vừa đóng vai trò là chủ sở hữu vừa đóng vai trò là cơ quan quản lý đối với các doanh nghiệp này. Kinh nghiệm ở một số nước có nền kinh tế chuyển đổi cho thấy, đã có rất nhiều nỗ lực để tách bạch hai chức năng này của Nhà nước. Ở Hungary, từ năm 1990, quyền chủ sở hữu của Nhà nước đối với toàn bộ doanh nghiệp nhà nước đã được chuyển từ các bộ của Chính phủ cho cơ quan quản lý tài sản nhà nước (State Property Agency). Malayxia đã thực hiện một số đổi mới như công ty hóa, thuê những vị đại diện từ bên ngoài không thuộc cơ quan nhà nước, vào các vị trí thành viên Hội đồng quản trị hoặc các vị trí quản lý cao cấp khác v.v...

Thực tế hiện tại, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VNPT, vai trò quản lý của chủ sở hữu và quản lý Nhà nước không có sự phân biệt rạch ròi, Chính phủ là đại diện chủ sở hữu, giao Ủy ban quản lý vốn Nhà nước, thay mặt toàn dân quản lý tài sản của doanh nghiệp, đồng thời lại là người quản lý nhà nước, đưa ra những quy định về luật thông qua hệ thống pháp lý. Điều này đẩy Nhà nước vào nhiều tình huống khó xử. Đơn cử khi nội bộ doanh nghiệp có tranh chấp phát sinh, với tư cách chủ sở hữu tài sản, chính quyền phải lo hòa giải, can thiệp. Tuy nhiên, chức năng hòa giải và sự can thiệp hành chính nhà nước nhiều khi không có sự phân biệt. Nếu không cẩn thận, Nhà nước sẽ vi phạm chính luật chơi đã được vạch ra, vi phạm quyền tự chủ của doanh nghiệp, đã được quy định tại Nghị định 132/2005/NĐ-CP về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước.

Với ba tổng công ty, cả ba đều có đầy đủ chi nhánh hoạt động tại 63 tỉnh thành trên cả nước theo ngành dọc, lộ rõ bất cập về việc thông nhất cung cấp một đầu mối dịch vụ Viễn thông cho khách hàng. Vì nếu là khách hàng, thì chỉ cần

quan tâm đến duy nhất một nhà cung cấp, một đầu mối cung cấp dịch vụ để dễ dàng và đơn giản hóa việc sử dụng dịch vụ.

Việc này dẫn đến việc không tối ưu được bộ máy nhân sự, số lượng cán bộ nhân viên làm việc trung gian nhiều, giảm năng suất lao động, gây khó khăn cho việc cạnh tranh nội bộ của ngành Dịch vụ Viễn thông.

Giải pháp đưa ra là có duy nhất một đầu mối đại diện tại một tỉnh thành, quy tụ tất cả các tác nghiệp, nội dung cung cấp dịch vụ cho khách hàng về một đầu mối, một nhân viên tiếp cận chăm sóc và tư vấn dịch vụ cho khách hàng. Điều này sẽ phải yêu cầu một cuộc cải tổ thực sự, một sự cơ cấu lại bộ máy tổ chức của VNPT tại các tỉnh thành phố, dẫn đến thay đổi cơ bản mô hình công ty mẹ và các tổng công ty con của VNPT, nhằm đến mục tiêu cuối cùng là mang đến sự thỏa mãn, hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Viễn thông CNTT của VNPT.

## KẾT LUẬN

Hiện nay Việt Nam đang trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế toàn cầu, có thể nhận thấy không một quốc gia nào có thể phát triển một cách biệt lập và nằm ngoài guồng máy của sự phát triển. Tất cả các nước đều tham gia vào nền kinh tế thế giới và liên hệ với nhau thông qua hoạt động thương mại và tài chính, trong đó, sự đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp là rất quan trọng.

Đối với công ty TNHH một thành viên, để loại hình công ty này có thể phát triển mạnh mẽ và phù hợp hơn với môi trường kinh doanh tại Việt Nam trong thời gian tới, Nhà nước nên có quy định lại ngành nghề, định mức vốn điều lệ để hạn chế rủi ro cho khách hàng, chủ nợ của công ty TNHH một thành viên (trong trường hợp công ty không có khả năng thanh toán và chỉ chịu TNHH trên vốn góp). Bên cạnh đó, cần có những quy định pháp luật kinh tế cho phép chuyển đổi từ công ty TNHH một thành viên thành các loại hình khác thuộc sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, đồng thời, đơn giản hóa các thủ tục phát hành trái phiếu của loại hình doanh nghiệp này nhằm phát huy khả năng huy động vốn khi cần mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty.

Tóm lại, công ty TNHH một thành viên là một loại hình doanh nghiệp tồn tại trong cộng đồng DN ở Việt Nam. Việc ghi nhận công ty TNHH một thành viên trong Luật Doanh nghiệp năm 1999 đến Luật Doanh nghiệp năm 2020 là một sự đổi mới các quy định pháp lý phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay. Để tạo điều kiện về mặt pháp lý cho các nhà kinh doanh đầu tư làm ăn lâu dài, nhà làm luật cần mở rộng đối tượng điều chỉnh của công ty TNHH một thành viên và tạo ra cơ chế hoạt động phù hợp. Từ đó, các nhà đầu tư có đầy đủ các yếu tố cần thiết để thực hiện quyền tự do kinh doanh của mình, phát huy thế mạnh cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhân hoặc tổ chức khi thành lập công ty.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Nghị viện (1804). Bộ Luật Dân sự Cộng hòa Pháp. NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
2. Nghị viện (1995). Luật Công ty TNHH Cộng hòa Liên bang Đức. Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
3. Phạm Duy Nghĩa (2010). Luật Doanh nghiệp. NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.
4. OECD - Organization for Economic Cooperation and Development (2010). Cẩm nang quản trị công ty. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội.
5. Nguyễn Như Phát (2011). Giáo trình Luật Kinh tế Việt Nam. NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.
6. Quốc hội (1999). Luật Doanh nghiệp. NXBb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
7. Quốc hội (2005). Luật Doanh nghiệp. NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
8. Quốc hội (2014). Luật Doanh nghiệp. NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
9. Quốc hội (2020). Luật Doanh nghiệp. NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội
10. Nguyễn Thị Huế Luận văn thạc sĩ “Pháp luật về chuyển đổi DN Nhà nước (DNNN) thành công ty TNHH một thành viên” , bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2012;
11. Phạm Thị Thúy Hồng, Luận văn “Chuyển đổi DNNN, DN của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội thành công ty TNHH một thành viên – những vấn đề lý luận và thực tiễn”, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2002;
12. Lê Văn Khải, Luận văn thạc sĩ “Công ty TNHH theo pháp luật Việt Nam và hướng hoàn thiện địa vị pháp lý của loại hình DN này”, năm 1997, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội;
13. Đinh Thị An, Luận văn thạc sĩ “Công ty TNHH một thành viên theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật Cộng hòa Pháp”, năm 2004, bảo vệ tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội;